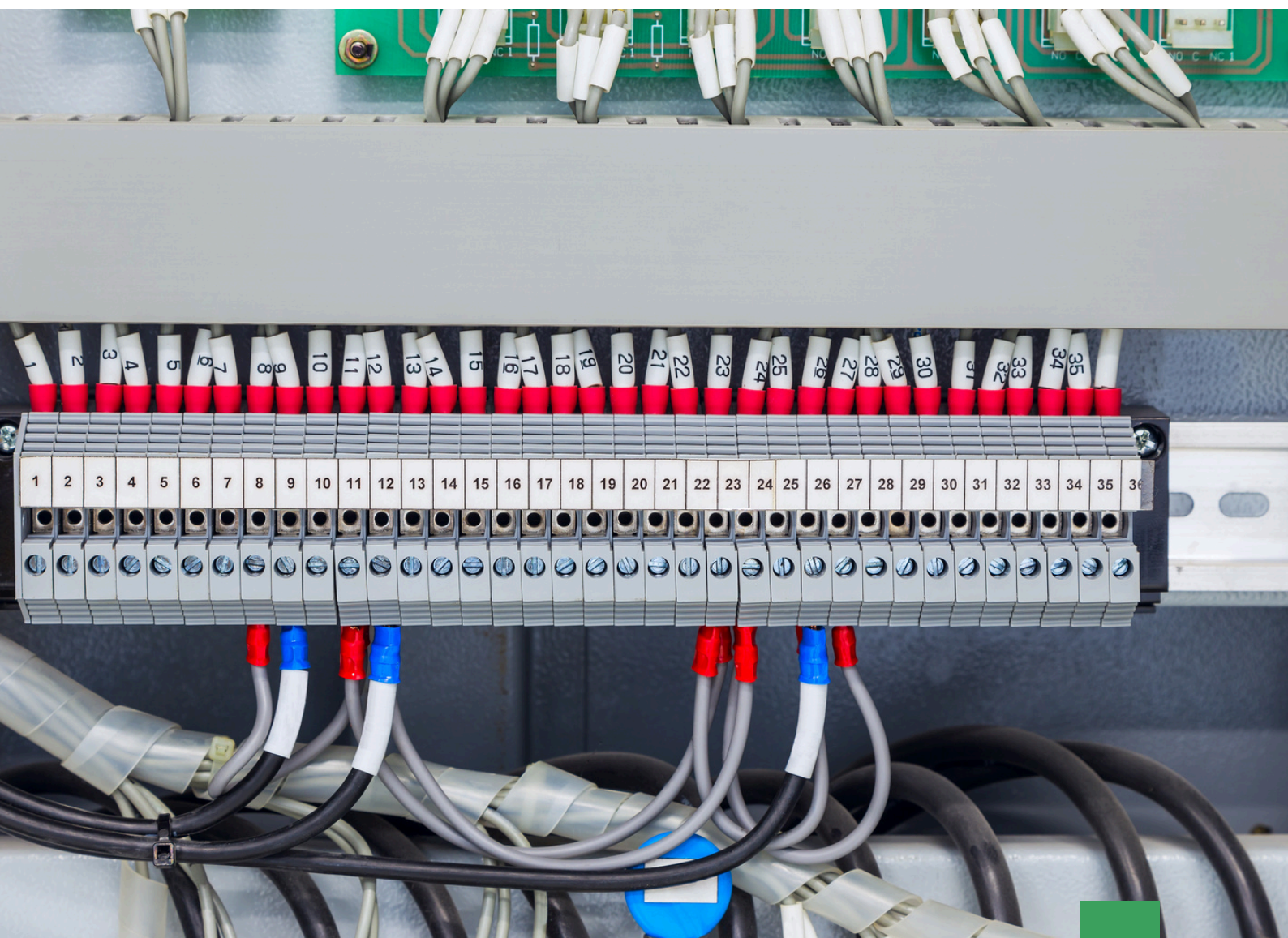
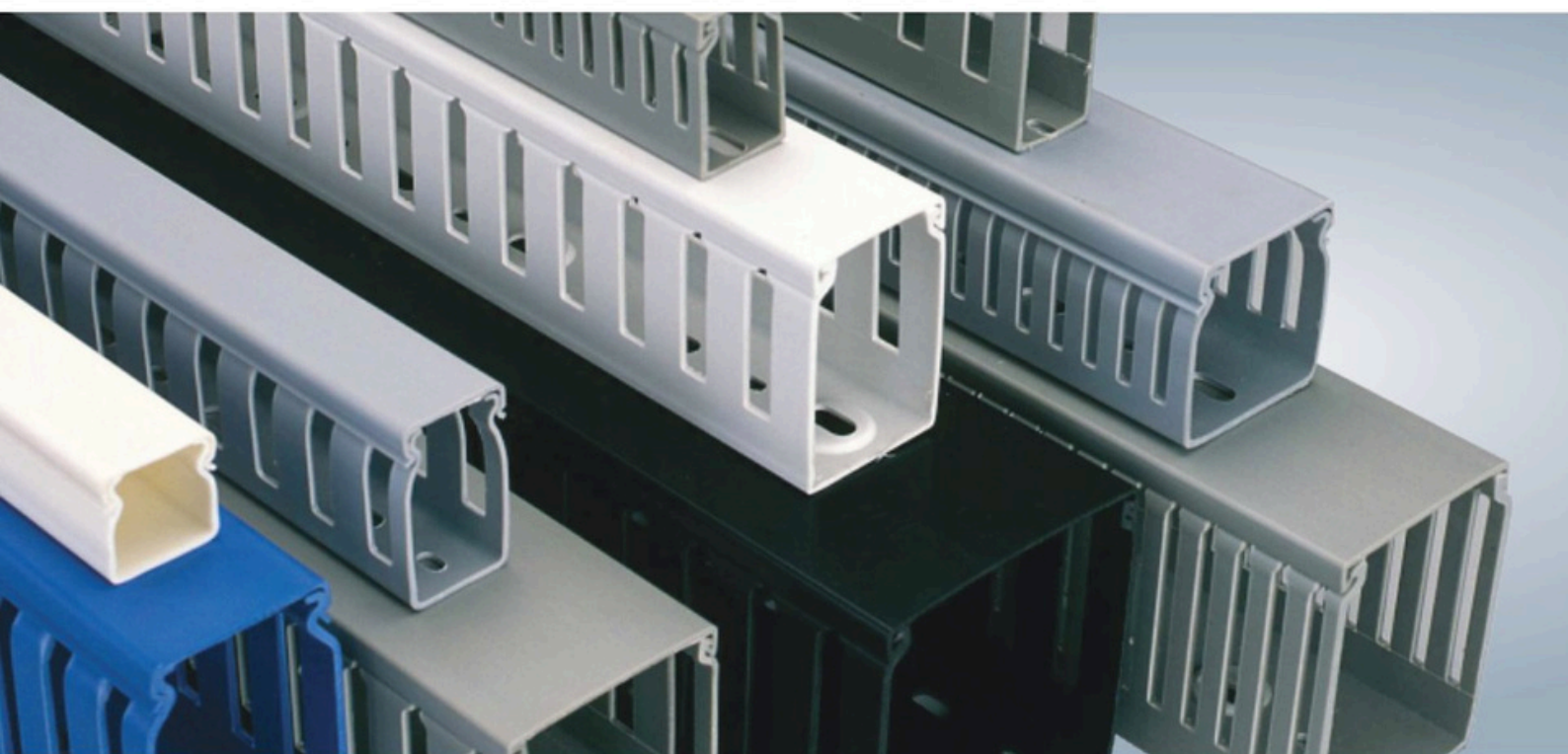


Catalog Hàng Salzer



CABLE DUCTS

Wiring Channels



FRLS



Tính chất cháy và phát thải khói của PVC cứng (RPVC) giữ vai trò quan trọng khi lựa chọn cho ứng dụng máng đi dây. Một trong những vấn đề nghiêm trọng của máng nhựa thông thường khi cháy là tạo lượng khói lớn và khí độc, vốn là nguyên nhân chính gây tử vong trong hỏa hoạn. Ngoài tác động kích ứng của khí HCl lên mắt và hệ hô hấp, khói còn gây mất định hướng và cản trở thoát nạn, làm chậm quá trình tiếp cận của lực lượng cứu hỏa; do đó, giảm phát thải khói là điều cần thiết.

Salzer PVC FRLS Cable Duct (máng đi dây PVC ít khói, chống cháy) được chế tạo từ RPVC đặc biệt, có độ khói thấp, tính chống cháy và độ chịu va đập cao. Chúng tôi đã điều chỉnh công thức RPVC cho máng đi dây và sử dụng nguyên liệu tiêu chuẩn. Từ đó, sản phẩm đạt chỉ số oxy giới hạn (LOI) cao và chỉ số mật độ khói (SDR) thấp, đồng thời đạt đặc tính chống cháy cấp V-0. Máng đi dây cho khả năng chống cháy lan truyền hiệu quả và phát thải lượng khói rất nhỏ khi xảy ra cháy.

Salzer PVC FRLS Cable Duct đạt cấp chống cháy V-0, tuân thủ REACH & RoHS, và nhiệt độ sử dụng liên tục đến 60 °C (140 °F). Sản phẩm có nhiều màu, nhiều kích thước và các kiểu rãnh khác nhau để đáp ứng yêu cầu khách hàng.

PVC FRLS CABLE DUCTS TESTS

Test	Test Purpose	Test Standard	Criteria	Typical Values
Limiting Oxygen index (LOI)	Minimum Oxygen concentration for supporting combustion of wiring duct insulation at normal temperature	ASTM D 2863	Min. 29	Min. 40
Temperature index	Temperature Index at which normal Oxygen content (21%) of Air will support combustion of wiring duct material	ASTM D 2863	>200°C	>200°C
Maximum Smoke density rating (SDR)	Indicates the visibility under fire	ASTM D 2843	< 60%	< 45%
Flammability class	Should be highly Flame retardant	UL - 94	V-0	Passed

PVC FRLS WIRING DUCT : RAW MATERIAL SPECIFICATIONS

Properties	Units	Test Standard	Typical values
General Characteristics			
Specific gravity	g/cc	ASTM D 792	< 1.48
Heat Deflection temperature (HDT) @18.2Mpa	°F	ASTM D 648	Up to 160
Vicat softening point (VSP) at 5 Kg load	°F	ASTM D 1525	Up to 185
Water absorption	%	ASTM D 570	0.045
Hardness -- Shore	D	D ASTM D 2240	Max. 78
Burning Characteristics			
Flammability class	-	UL - 94	V-0
Oxygen index test (LOI)	%	ASTM D 2863	Min. 40
Maximum Smoke density rating (SDR)	%	ASTM D 2843	< 50
Mechanical Characteristics			
Tensile modulus	Kg/cm ²	ASTM D 638	>12000
Tensile strength at break	Kg/cm ²	ASTM D 638	>390
Izod impact strength (Notched)	Kg.cm/cm	ASTM D 256	>7.0
Compressive strength	Kg/cm ²	ASTM D 695	>1100
Electrical Characteristics			
Power factor	-	ASTM D 150	0.018
Dielectric constant	-	ASTM D 150	< 3
Dielectric strength	KV/mm	ASTM D 149	> 12
Surface resistivity	Ohm	ASTM D 257	>1 x 10 ¹⁵
Volume resistivity	Ohm - cm	ASTM D 257	>3 x 10 ¹⁶

Note: To the best of our knowledge the above information is accurate and Salzer assumes no liability for the accuracy of this information

MĂNG NHỰA ĐI DÂY

Đa dạng kênh dẫn dây, đáp ứng mọi nhu cầu hệ thống



Máng nhựa 25x30
#M25x30

Description

Rộng 25 x Cao 30 x Dài 1700 mm
Chất liệu: PVC - Màu: xám sáng
Phân loại: Răng Lược

[liên hệ báo giá](#)



Máng nhựa 25x40
#M25x40

Description

Rộng 25 x Cao 40 x Dài 1700 mm
Chất liệu: PVC - Màu: xám sáng
Phân loại: Răng Lược

[liên hệ báo giá](#)



Máng nhựa 25x60
#M25x60

Description

Rộng 25 x Cao 60mm x Dài 1700
Chất liệu: PVC - Màu: xám sáng
Phân loại: Răng Lược

[liên hệ báo giá](#)



Máng nhựa 40x40
#M40x40

Description

Rộng 40 x Cao 40 x Dài 1700 mm
Chất liệu: PVC - Màu: xám sáng
Phân loại: Răng Lược

[liên hệ báo giá](#)



Máng nhựa 40x60
#M40x60

Description

Rộng 40 x Cao 60 x Dài 1700 mm
Chất liệu: PVC - Màu: xám sáng
Phân loại: Răng Lược

[liên hệ báo giá](#)



Máng nhựa 60x60
#M60x60

Description

Rộng 60 x Cao 60 x Dài 1700 mm
Chất liệu: PVC - Màu: xám sáng
Phân loại: Răng Lược

[liên hệ báo giá](#)

MÁNG NHỰA ĐI DÂY

Đa dạng kênh dẫn dây, đáp ứng mọi nhu cầu hệ thống



Máng nhựa 80x100

#M80x80

Description

Rộng 80 x Cao 80 x Dài 1700 mm

Chất liệu: PVC

Màu sắc: Xám sáng

Phân loại: Răng Lược

Báo Giá

[liên hệ](#)



Máng nhựa 80x100

#M80x100

Description

Rộng 80 x Cao 100 x Dài 1700 mm

Chất liệu: PVC

Màu sắc: Xám sáng

Phân loại: Răng Lược

Báo Giá

[liên hệ](#)



Máng nhựa 100x100

#M100x100

Description

Rộng 100 x Cao 100 x Dài 1700 mm

Chất liệu: PVC

Màu sắc: Xám sáng

Phân loại: Răng Lược

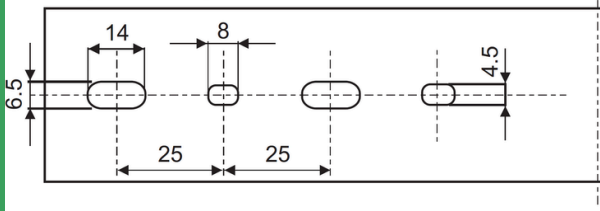
Báo Giá

[liên hệ](#)

MĂNG NHỰA

NEW CATALOGUE

A Type , B Type Duct Width : 25 & 30 mm



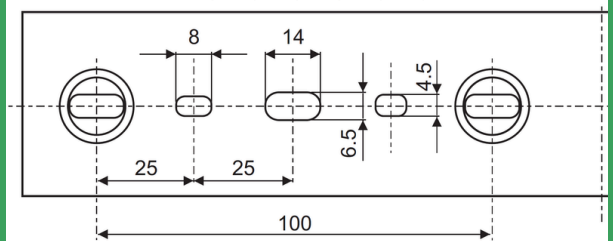
CHI TIẾT MẶT ĐÁY M25

- Áp dụng cho máng size 25x30, 25x40, 25x60
- Áp dụng cho máng Type A và B
- Đơn vị: mm

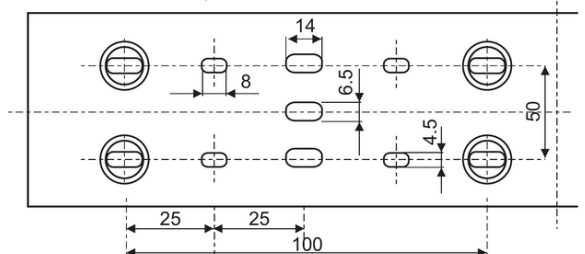
CHI TIẾT MẶT ĐÁY M40, M60

- Áp dụng cho máng size 40x40, 40x60, 60x60
- Áp dụng cho máng Type A và B
- Đơn vị: mm

Duct Width : 40, 45, 50, 55, 60, 72, and 75 mm



Duct Width : 80, 100 and 125 mm



CHI TIẾT MẶT ĐÁY M80, M100

- Áp dụng cho máng size 80x80, 80x100, 100x100
- Áp dụng cho máng Type A và B
- Đơn vị: mm

- Cạnh đáy có sẵn các lỗ hỗ trợ bắt vít
- Khi lắp không bị vỡ hay chột vít
- Thi công nhanh gọn
- Quản lý dây hiệu quả

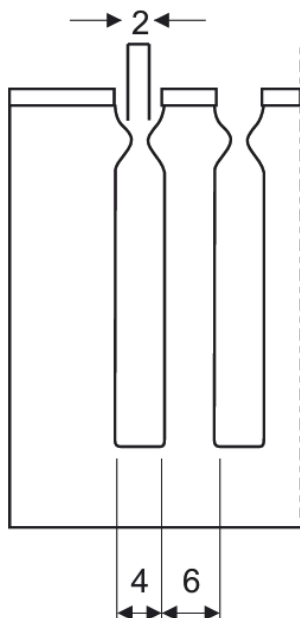
VISIT OUR WEBSITE:

www.tamanh-electric.com

MÁNG NHỰA

NEW CATALOGUE

T (Thin Slot)

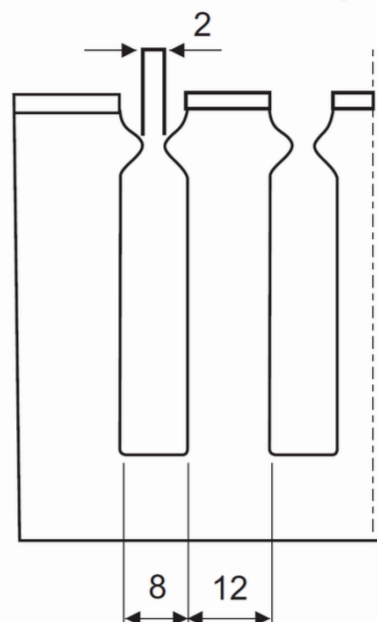


CHI TIẾT RĂNG LƯỢC

#M25, M40, M60

- Áp dụng cho M25, M40, M60
- Áp dụng cho máng Type A và B
- Đơn vị: mm

Standard Slot (S)



CHI TIẾT RĂNG LƯỢC

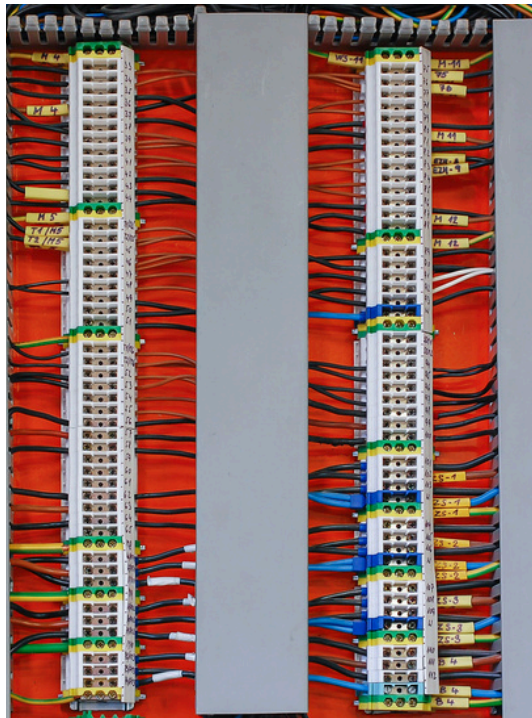
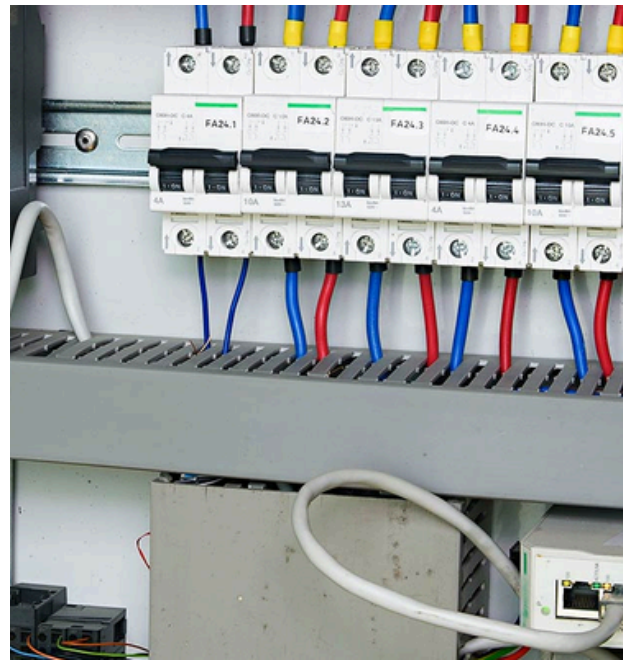
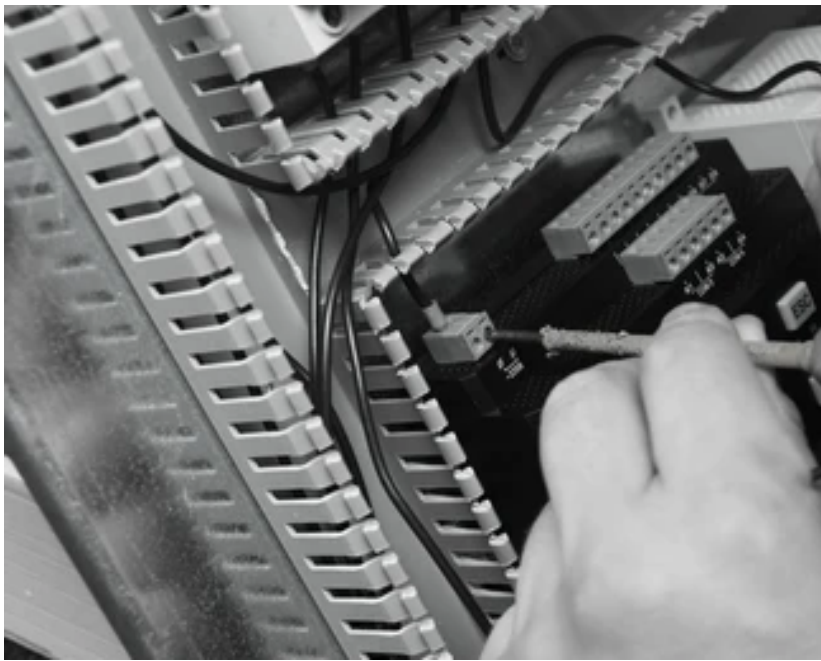
#M80, M100

- Áp dụng cho M80, M100
- Áp dụng cho máng Type A và B
- Đơn vị: mm

- Khoảng cách bố trí hiệu quả
- Hỗ trợ quản lý đi dây
- Chất liệu PVC dễ cắt mà vẫn đảm bảo độ bền
- Nắp/Cover chạy ray linh hoạt
- Bám giữ nắp/cover hiệu quả

VISIT OUR WEBSITE:

www.tamanh-electric.com





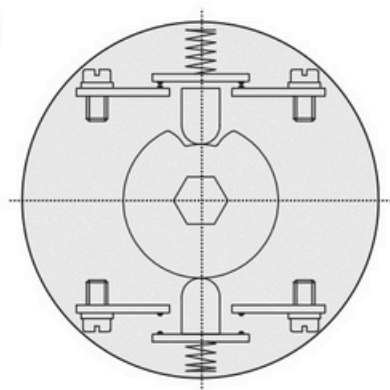
*Switch on
to the Best*



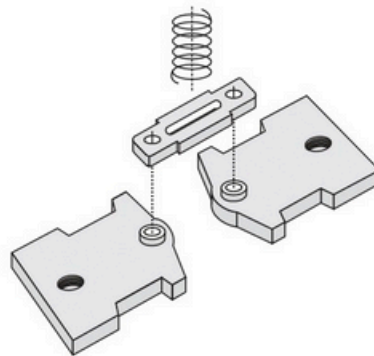
Cam Operated Rotary Switches



Construction



Cam Assembly



Contact Assembly

Các công tắc cam Series S, TP, RT và SL tích hợp hai tiếp điểm “double-break” bằng hợp kim bạc cho mỗi tầng, bố trí 180°.

Phiên bản AC là kiểu “Quick Make – Slow Break” với cơ cấu hãm (latching) tích hợp trong thiết kế cam.

Phiên bản DC, công tắc có thể cấu hình thêm các tiếp điểm mắc nối tiếp theo điện áp đóng cắt DC và thời gian phù hợp; loại DC là “Quick Make – Quick Break”.

Contacts : Double break type AgCdO
Insulation : Glass filled polyamide
with high tracking index

Operating temp : -15°C to 55°C
Operating frequency : 50 to 60Hz
Humidity : 95%, Rh 48 hours

S Series
Open Version

TP Series
Touch Proof

RT Series
Touch Proof &
Rear Termination

SL Series
Touch Proof &
Screwless Termination



- Available from 6 to 400Amp
- Open terminals for easy accessibility



- Available from 6 to 20Amp
- Finger Protection (IP20)



- Available from 16 to 63Amp
- Finger Protected convenient accessibility



- Available from 6 & 10Amp
- Cage clamp (finger protected) (IP20)

AC Duty Rating

Category	Typical AC Application
AC-1	Non-Inductive or slightly Inductive Loads, Resistance Furnaces
AC-3	Squirrel Cage motors: starting switching off motors during running
AC-15	Control of AC electromagnetic loads
AC-21A	Switching of resistive loads, including moderate overloads (frequent switching)
AC-23-A	Switching of motor loads or other highly inductive loads (frequent switching)

DC Duty Rating

Category	Typical DC Application
DC-1	Non-Inductive or slightly Inductive Loads, Resistance Furnaces.
DC-22	Switching of resistive loads, including moderate overloads
DC-13	Control of DC electromagnets
DC-23	Switching of motor loads or other highly inductive loads
-----	-----

CHUYỂN MẠCH TP16A

Thiết bị ngắt tải – Kết cấu bền vững, hiệu suất vượt trội



Chuyển mạch 5 vị trí
#61102

Description

Loại: 6 vị trí 0-1-2-3-4-5
Góc xoay: 45 độ
3P 16A 600V

[Liên hệ](#)



Chuyển mạch 4 vị trí
#61101

Description

Loại: 5 vị trí 0-1-2-3-4
Góc xoay: 45 độ
3P 16A 600V

[Liên hệ](#)



Chuyển mạch 3 vị trí
#61131

Description

Loại: 4 vị trí 0-1-2-3
Góc xoay: 90 độ
3P 16A 600V

[Liên hệ](#)



Chuyển mạch On-Off-On
#61027

Description

Loại: 3 vị trí On-Off-On
Góc xoay: 45 độ
3P 16A 600V

[Liên hệ](#)



Chuyển mạch On-Off
#61178

Description

Loại: 2 vị trí On-Off
Góc xoay: 90 độ
3P 16A 600V

[Liên hệ](#)



Chuyển mạch Man-Auto
#61154

Description

Loại: 3 vị trí Auto-Off-Man
Góc xoay: 90 độ
3P 16A 600V

[Liên hệ](#)

CHUYỂN MẠCH TP16A

Thiết bị ngắt tải – Kết cấu bền vững, hiệu suất vượt trội



Chuyển mạch Ampe

#61325

Description

Loại: 4 vị trí Off-R-Y-B
Góc xoay: 90 độ
3P 16A 600V
Số thốt: 3

[Liên hệ báo giá](#)



Chuyển mạch Volt

#61313

Description

Loại: 7 vị trí Off-RN-SN-TN-TR-ST-RS
Góc xoay: 45 độ
3P 16A 600V
Số thốt: 3

[Liên hệ báo giá](#)



Chuyển mạch 1-0-2 hời

#61762

Description

Loại: 3 vị trí
Góc xoay: 45 độ
3P 16A 600V
Số thốt: 2

[Liên hệ báo giá](#)



Chuyển mạch 1-2-1-2

#61639

Description

Loại: 4 vị trí
Góc xoay: 90 độ
3P 16A 600V
Số thốt: 4

[Liên hệ báo giá](#)

CHUYÊN MẠCH LB

Thiết bị ngắt tải – Kết cấu bền vững, hiệu suất vượt trội



Công tắc On-Off 32A
#LB23231309B13

Description

Loại: 2 vị trí
Góc xoay: 90 độ
3P 32A 600V

[Liên hệ](#)



Công tắc On-Off 40A
#LB24031309B13

Description

Loại: 2 vị trí On-Off
Góc xoay: 90 độ
3P 40A 600V

[Liên hệ](#)



Công tắc On-Off 63A
#LB26331309B13

Description

Loại: 2 vị trí
Góc xoay: 90 độ
3P 63A 600V

[Liên hệ](#)

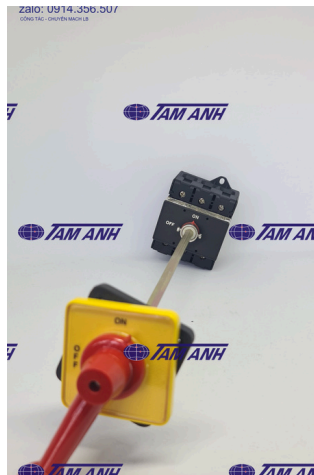


Công tắc On-Off 80A
#LB08031309B13

Description

Loại: 2 vị trí
Góc xoay: 90 độ
3P 80A 220-690V

[Liên hệ](#)



Công tắc On-Off 100A
#LB100031309B13

Description

Loại: 2 vị trí
Góc xoay: 90 độ
3P 100A 220-690V

[Liên hệ](#)

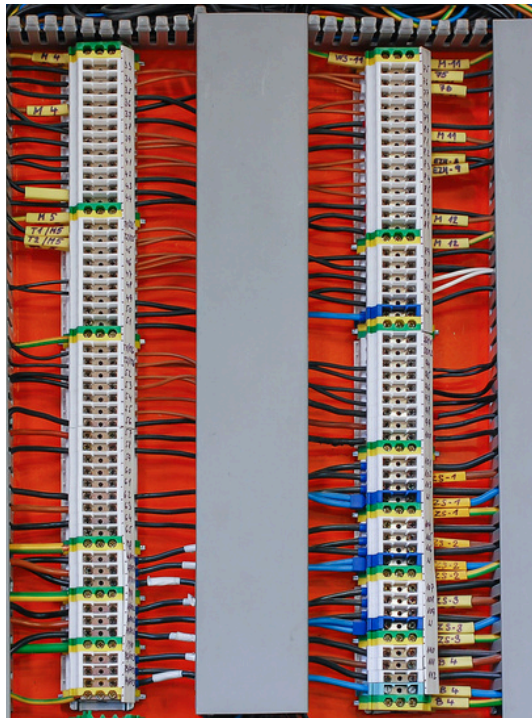


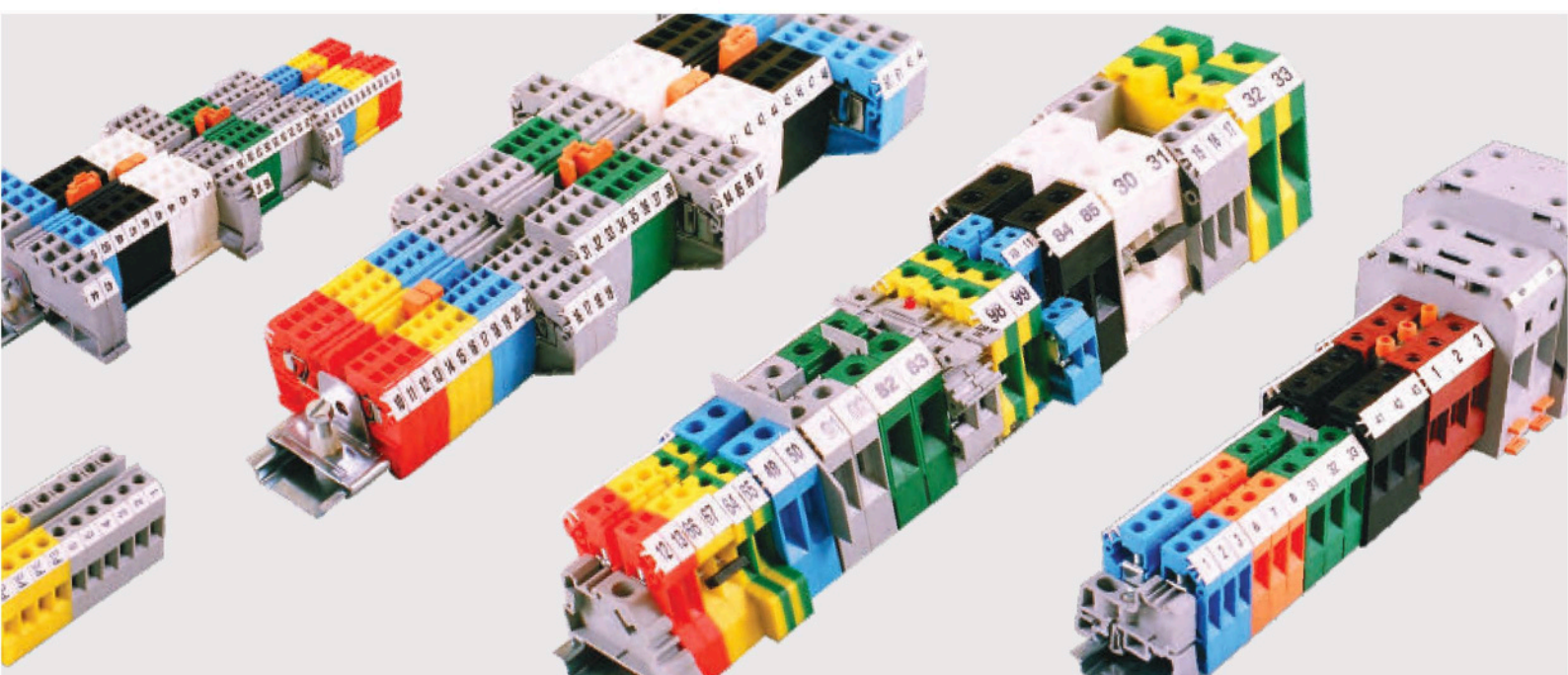
Công tắc khác
#LB

Description

Loại: 2, 3, 4 vị trí
Góc xoay: 30, 45, 60, 90 độ
Dải từ 6A - 32A

[Liên hệ](#)





connectech terminals

Mỗi chi tiết của cầu đấu mắt rời (Terminal Block) đều được thiết kế để mang lại tính năng vận hành hiệu quả.

- Vật liệu và bề mặt tiếp xúc chất lượng cao giúp đảm bảo độ dẫn điện tốt, giảm điện trở tiếp xúc, hạn chế sinh nhiệt và tăng độ bền lâu dài.
- Hình dạng/thiết kế của thanh dẫn dòng (current bar) tối ưu giúp phân phối dòng điện đều, giảm tổn thất và tăng khả năng chịu tải.
- Cơ chế kẹp bằng vít hoặc lò xo giúp dây dẫn được giữ chắc chắn, tránh lỏng lẻo, đồng thời dễ dàng tháo/lắp.
 - * Vít: cho lực kẹp mạnh, phù hợp với dây cứng.
 - * Lò xo: linh hoạt, chống rung, tiện cho dây mềm.
- Thiết kế chân gắn đặc biệt để lắp lên DIN rail (thanh chuẩn trong tủ điện). Nó vừa chắc chắn (firm) vừa linh hoạt (flexible), giúp dễ tháo lắp và ổn định trong môi trường rung động.

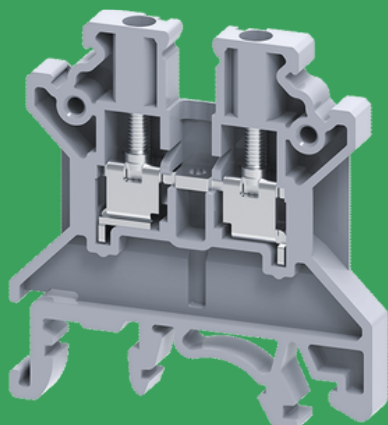
Chính thiết kế và chất lượng tạo nên hiệu năng vượt trội cho dòng Salzer connectech Terminal Blocks.

- Cơ cấu kẹp bằng vít hoặc lò xo – “trái tim” của terminal block – được tối ưu để bám chắc dây lõi đặc hoặc nhiều lõi.
- Vít được cán ren cho mô-men siết định chuẩn, đảm bảo cố định dây chắc chắn trong ngàm kẹp.
- Kẹp thép lò xo chuyên dụng cho lực giữ chặt nhưng êm, hạn chế “tưa” dây với cả dây lõi đặc và nhiều lõi.
- Thanh dẫn dòng gia công tinh tạo cầu dẫn an toàn cho dòng định mức.
- Vỏ Polyamide 66 ôm cụm kẹp, bảo đảm khoảng cách – khe hở an toàn, cách điện bền lâu; chân đế linh hoạt nhưng vững, giúp lắp DIN nhanh và chắc.
- Dòng ‘U’ có chân kẹp đặc biệt, phù hợp ray DIN 35, DIN 35-15 và DIN 32, tăng tính linh hoạt – giúp nhà phân phối, đơn vị lắp tủ và người dùng cuối giảm tồn kho.

Sản phẩm được chứng nhận UL và CSA cho Bắc Mỹ, mang các dấu chứng nhận tương ứng cRUus / cCSAus cũng như CE. Salzer connectech Terminal Blocks kết hợp công nghệ quốc tế với năng lực kỹ thuật của Salzer Group tích lũy hơn 20 năm, mang lại giải pháp đi dây và giao tiếp hiệu quả – một bộ đôi chiến thắng thực sự.

CẦU ĐẦU MẮT RỜI

Điện năng chuẩn xác – An toàn trong từng đoạn mạch

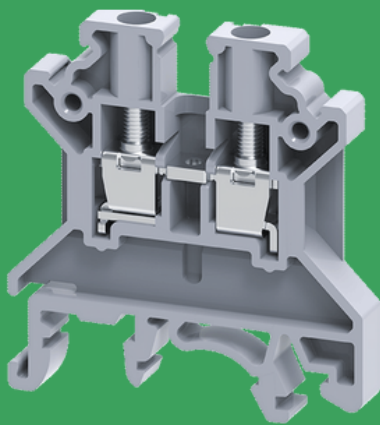


Cầu Đầu 2.5

#CTS2.5

45 x 43 x 5 mm
IEC/EN : 0.5-2.5 mm², 24 A, 750 V, 0.4 Nm
UL/CSA : 22-14 AWG, 20 A, 600 V, 7 lb-in

[Liên hệ](#)

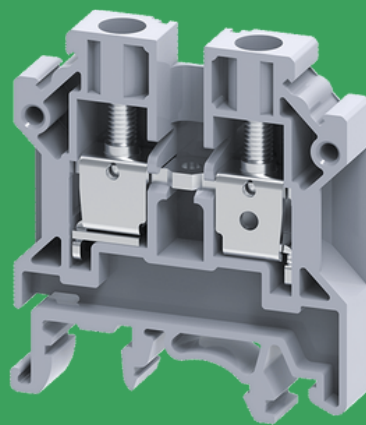


Cầu Đầu 4

#CTS4

45 x 43 x 6 mm
IEC/EN : 0.5-4 mm², 32 A, 750 V, 0.5 Nm
UL/CSA : 22-12 AWG, 25 A, 600 V, 7 lb-in

[Liên hệ](#)

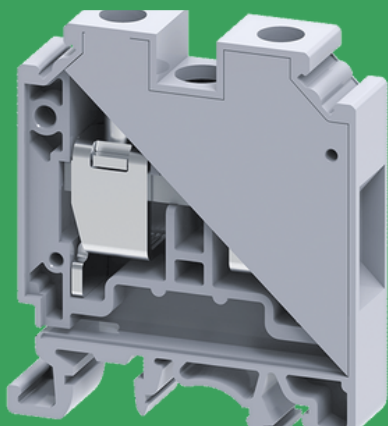


Cầu Đầu 6

#CTS6

47 x 43 x 8 mm
IEC/EN : 1.5-6 mm², 41 A, 750 V, 0.8 Nm
UL/CSA : 22-8 AWG, 50 A, 600 V, 9 lb-in

[Liên hệ](#)

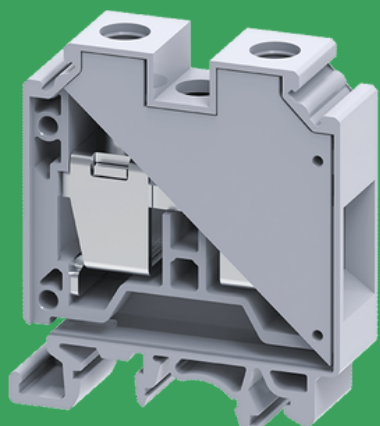


Cầu Đầu 10

#CTS10

47 x 43 x 10 mm
IEC/EN : 1.5-10 mm², 57 A, 750 V, 1.2 Nm
UL/CSA : 15-7 AWG, 600 V, 65 A, 14 lb-in

[Liên hệ](#)

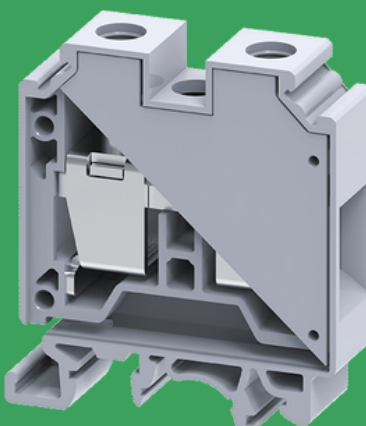


Cầu Đầu 16

#CTS16

47 x 43 x 12 mm
IEC/EN : 2.5-16 mm², 76 A, 750 V, 2.0 Nm
UL/CSA : 20-4 AWG, 70 A, 600 V, 14 lb-in

[Liên hệ](#)



Cầu Đầu 25

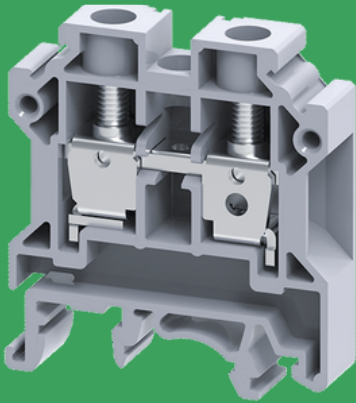
#CTS25

56 x 49.5 x 12 mm
IEC/EN : 6-25 mm², 101 A, 750 V, 2 Nm
UL/CSA : 9-3 AWG, 115 A, 600 V, 14 lb-in

[Liên hệ](#)

CẦU ĐẦU MẮT RỜI

Điện năng chuẩn xác – An toàn trong từng đoạn mạch



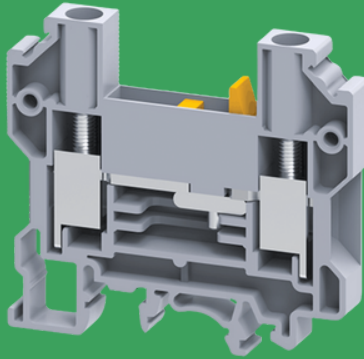
Cầu Đầu 35

#CTS35

58 x 52.5 x 15 mm

IEC/EN : 10-35 mm², 125 A, 750 V, 2.5 Nm
UL/CSA : 8-2 AWG, 145 A, 600 V, 25 lb-in

[Liên hệ](#)



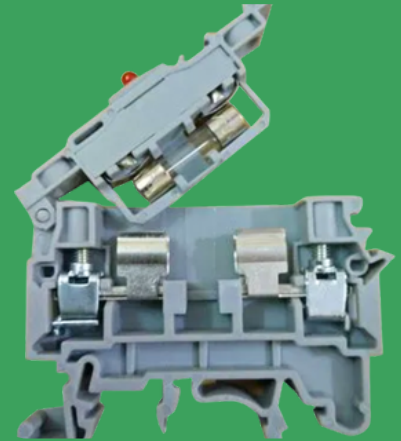
Cầu Ngắt Dòng

#DISCT6U

57 X 63 x 8 mm

IEC/EN : 1.5-6 mm², 41 A, 750 V, 1.2 Nm
UL/CSA : 16-8 AWG, 41 A, 600 V, 14 lb-in

[Liên hệ](#)



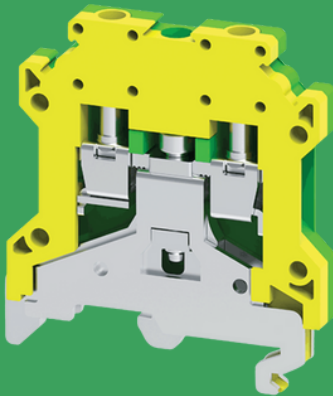
Cầu Đầu có Cầu Chì

F4U(L)

43 x 58 x 8 mm

IEC/EN : 0.5-4 mm², 6.3 A, 750 V, 0.5 Nm
UL/CSA : 22-12 AWG, 6.3 A, 600 V, 7 lb-in

[Liên hệ](#)



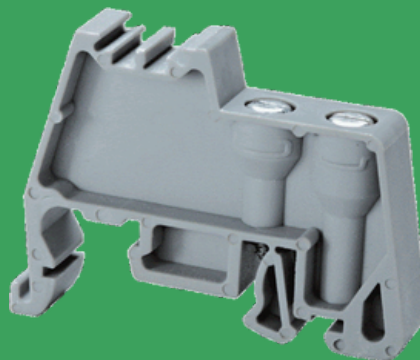
Cầu Tiếp Địa

#G4

45.4 x 54.2 x 6 mm

IEC/EN : 0.5-4 mm², 32 A, 0.5 Nm
UL/CSA : 22-12 AWG, 25 A, 7 lb-in

[Liên hệ](#)

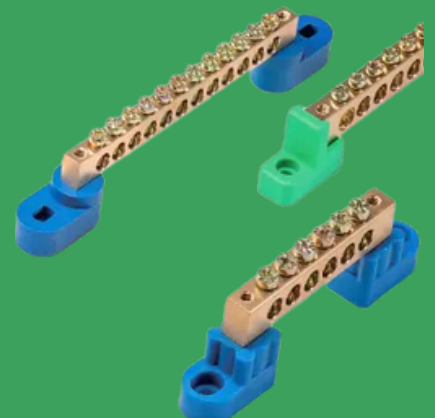


Chấn Nhựa

#CA702

Dùng cho DIN 32/35/35-15 rails

[Liên hệ](#)



Cầu Trung Tính

#GB

Cầu Trung Tính

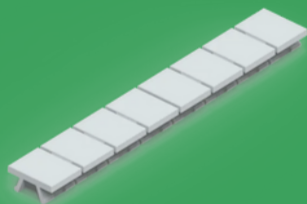
Chất liệu: Đồng

Loại: 6P - 12P - 18P

[Liên hệ](#)

PHỤ KIỆN CẦU ĐẦU MẮT RỜI

Điện năng chuẩn xác – An toàn trong từng đoạn mạch



Đánh Dấu Cầu

#K5-6-8-10-12-15

Nhóm: Phụ kiện đánh dấu
Ứng dụng: Đánh dấu cầu đấu
Loại: Cài

[Liên hệ](#)

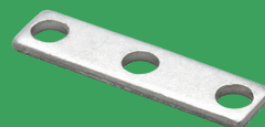


Thanh Nối Dài - 10

#PSL

Nhóm: Phụ kiện đấu nối
Ứng dụng: Nối mạch cầu đấu
Loại: 10 poles

[Liên hệ](#)

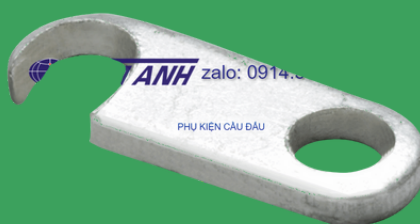


Thanh Nối Ngắn - 4

#PSL

Nhóm: Phụ kiện đấu nối
Ứng dụng: Nối mạch cầu đấu
Loại: 3-4 Poles

[Liên hệ](#)



Móc Nối

#PSL

Nhóm: Phụ kiện đấu nối
Ứng dụng: Nối mạch cầu đấu
Loại: 1 - 2 Poles và 1 móc

[Liên hệ](#)

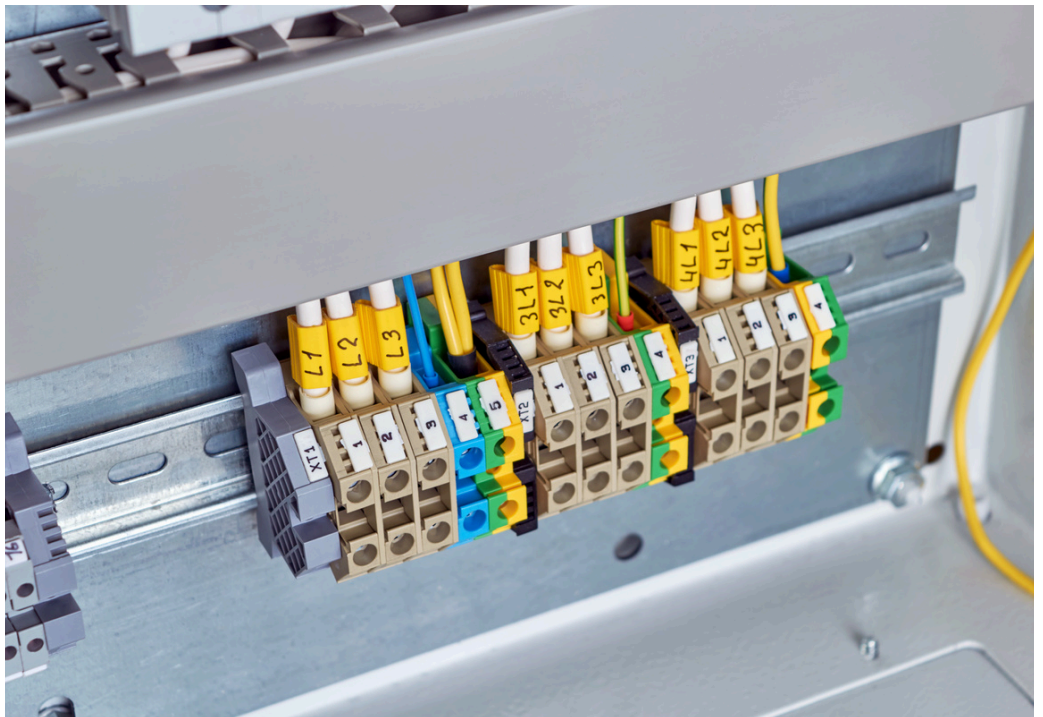
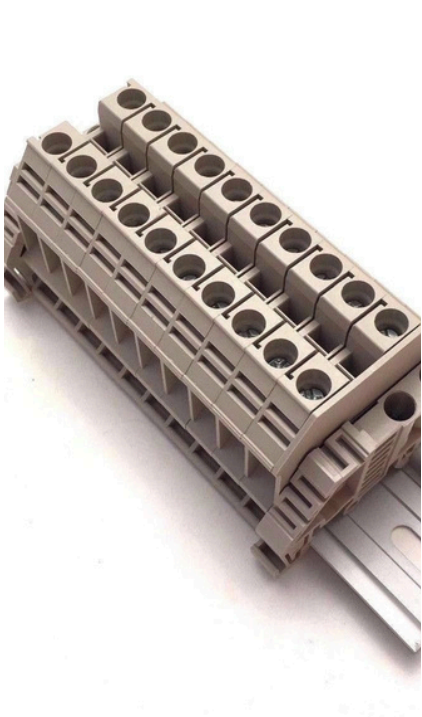
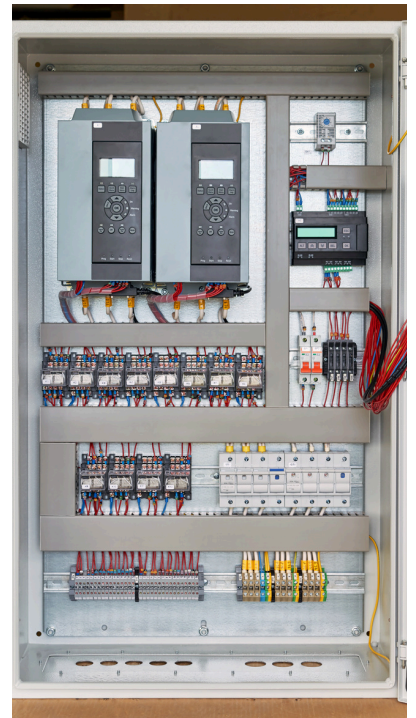
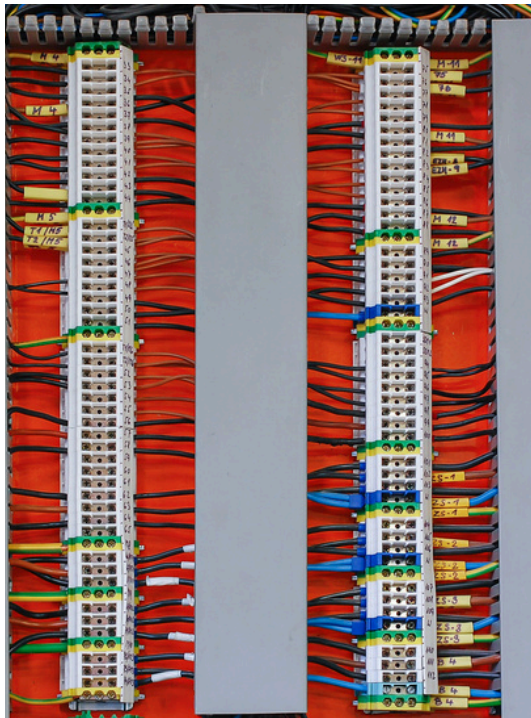
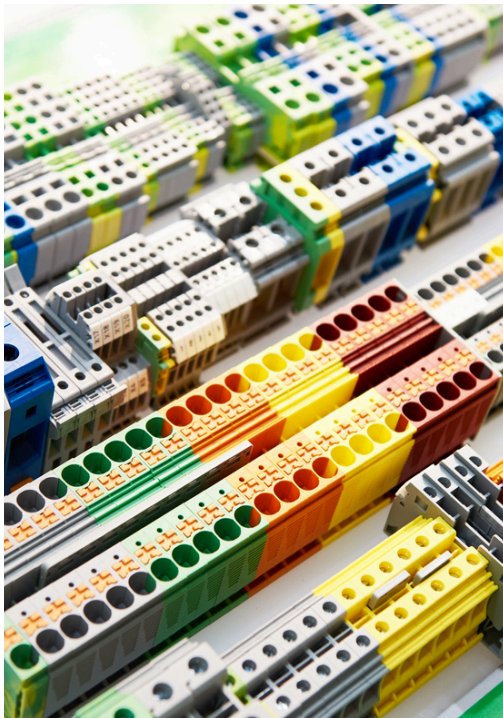
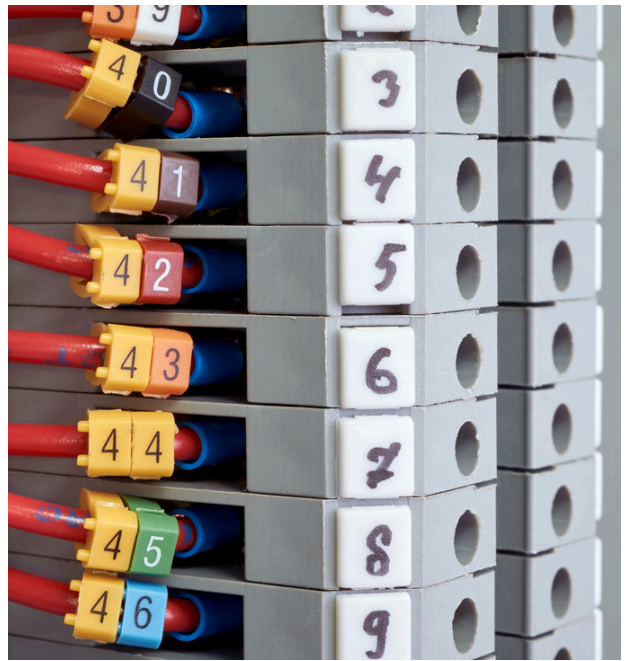
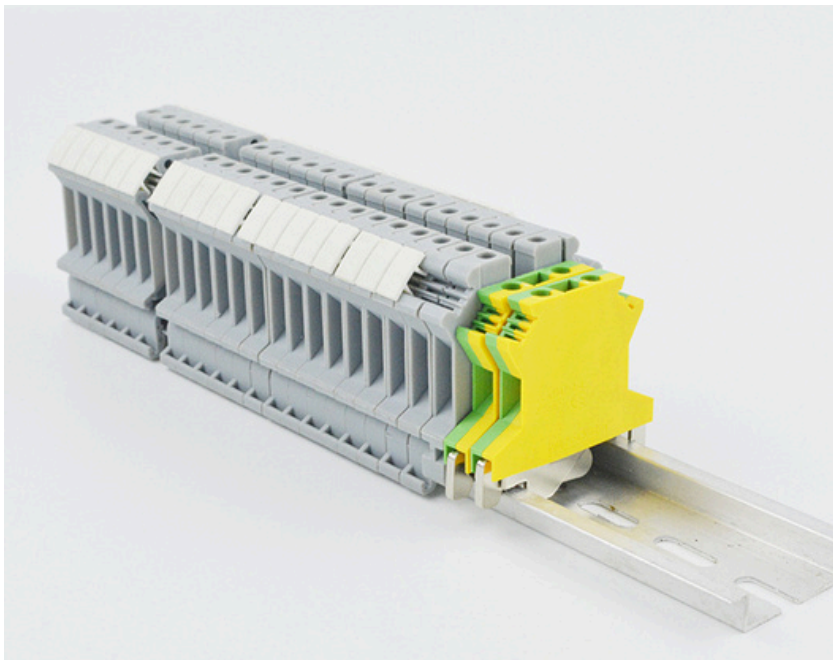


Đinh Ốc

#SS02-03

Nhóm: phụ kiện đấu nối
Ứng dụng: Nối mạch cầu đấu
Loại: Ốc Vít

[Liên hệ](#)



Contact

Phone: 0243-978-0472
Website: www.tamanh-electric.com
Add: 312 Trần Khát Chân,
Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Liên hệ báo giá

Phone 1: 0914-356-507
Phone 2: 0969-343-068
Mail: electricrtamanh@gmail.com

